



Những Bà Mẹ

(Haha naru mono, 1969)

Endo Shusaku - Dịch: Nguyễn Nam Trân

Được một ngày mùa thu quang đãng, tôi mua bó cúc để đi tảo mộ mẹ. Mộ của mẹ tôi nằm trong nghĩa trang Công giáo ở Fuchuu [13]. Tôi đã đi đi lại lại trên con đường đưa vào khu mộ địa này không biết bao nhiêu lần từ khi còn là một sinh viên Ngày xưa, hai bên đường là những lùm cây dẻ, cây sồi và những cánh đồng lúa mạch trái rộng. Vào mùa xuân, đó là một nơi rất thú vị để tản bộ. Ngày nay đã có những tuyến xe buýt chạy thẳng vào nghĩa trang và nhiều hàng quán được cất lên, sắp thành hàng bên nhau. Ngay cả tiệm bán đồ đá (sekiya) xưa kia giống như một túp lều con trơ vơ bên đường nay đã biến thành một ngôi nhà hai tầng. Mỗi lần đi ngang qua đây, từng hình ảnh một của thời đó đã sống lại trong tôi. Hôm tốt

nghệp đại học, tôi đã đi thăm mộ. Ngày trước khi đáp tàu thủy sang Pháp du học, tôi cũng tới đây. Lúc vì bệnh hoạn phải trở về nước thì ngay hôm sau khi vừa đặt chân lên đất Nhật, việc đầu tiên tôi làm là chạy bay tới chỗ này. Rồi khi kết hôn cũng như trước những lần nhập viện, tôi không bao giờ quên ghé thăm ngôi mộ của mẹ tôi. Ngay bây giờ, nhiều khi tôi không cho cả vợ tôi hay mà lặng lẽ làm một cuộc hành hương đến đó. Đây là nơi tôi từng trao đổi những mẩu đối thoại với mẹ mà tôi không thể tiết lộ nội dung cho một người thứ ba. Trong đáy lòng mình, tôi vẫn giữ cái tình cảm là không để cho những kỷ niệm của bà bị ai đó nhơn nhơn xúc phạm, dù họ là những người thân yêu nhất của tôi.

Qua hết một con đường nhỏ, tôi đã bước vào khu vực nghĩa trang, nơi có một bức tượng Đức Mẹ dựng ở trung tâm. Xung quanh tượng là một dãy bia được sắp đặt ngay ngắn li lai, đó là nơi chôn cất những vị nữ tu đã gửi nắm xương tàn trên đất Nhật. Chính giữa khu vực có những cây thánh giá màu trắng với các ngôi mộ xây bằng đá. Ánh sáng của vầng thái dương và một bầu không khí tĩnh mịch bao trùm lên trên toàn bộ khu vực. Mộ của mẹ tôi chỉ nhỏ bé thôi. Khi nhìn những phiến đá quá đồi nhỏ nhoi ấy, lòng tôi không khỏi đau đớn. Tôi nhỏ mớ cỏ dại mọc chung quanh mộ. Trong khi làm việc, lũ côn trùng vo ve và bay chung quanh tôi. Ngoài tiếng đập cánh của chúng, hầu như không có một âm thanh nào khác. Tôi vừa cảm gáo tưới nước lên phần mộ mẹ tôi, và cũng như mọi lần, suy nghĩ về cái cảnh hôm bà qua đời. Đó là một kỷ niệm vô cùng cay đắng đối với bản thân tôi. Bà đã bất ngờ bị nhồi máu cơ tim rồi ngã gục ngoài hành lang. Trong lúc bà thở hơi cuối cùng, tôi đã không có mặt. Tôi đang ở nhà Tamura và làm những chuyện hơi ời mà nếu mẹ tôi thấy, bà sẽ không sao cầm nổi nước mắt.

Lúc bấy giờ, Tamura đang rút ra từ ngăn kéo của nó một mớ thiệp gói trong giấy báo. Thế rồi, cũng như mọi lần, khi thăm thì chỉ vẽ cho tôi một điều gì, mặt nó lúc nào cũng nở một nụ cười tinh quái:

- Đây là thứ "xịn" không phải đồ lúi xùi đâu nhé bạn!

Trong bọc giấy báo ấy có đến ít nhất mười bức ảnh như vậy. Có lẽ vì nước rửa ảnh thuộc loại xấu nên màu xanh lục đã biến thành màu vàng. Ảnh có chỗ lộ ra cái thân thể đen đen của một người đàn ông và trắng trắng của một người đàn bà đang nằm chồng lên nhau. Đôi mi của người đàn bà nhú lại ra chiều khổ sở. Tôi vừa nén thở vừa lật từng cái một xem đi xem lại không biết bao lần.

- Thằng dê con. Sao, mày coi đã sướng mắt chưa?

Bỗng có tiếng điện thoại reo. Chân ai đó đang lúp xúp chạy ra bắt máy rồi quay lại phía này. Tamura vội vàng đem mấy tấm ảnh đó nhét lại trong ngăn kéo. Có tiếng đàn bà gọi đúng tên tôi.

- Cậu mau mau mà về. Hình như mẹ cậu thành linh bị tai biến đấy.

Tamura hỏi thăm:

- Sao vậy mậy?

- Tao đâu có biết.

Chính ra mắt tôi vẫn còn đang dán vào cái ngăn kéo:

- Không hiểu sao bà lại biết được là tao đang ở nhà mậy?

Tôi chỉ lo mỗi việc tại sao mẹ tôi lại biết là tôi đang ở đây chứ không nghĩ gì đến căn bệnh đột biến của bà. Từ khi biết bố của Tamura đang kinh doanh một cái nhà thổ, bà đã triệt để ngăn cấm tôi đến chơi với con trai ông ta. Và lại, mấy lúc sau này mẹ tôi thường nằm liệt giường vì những cơn đau tim, nếu bà bị đột quỵ như vậy, tất không có gì đáng lấy làm lạ. Lần trước, nhờ có một vị bác sĩ mà tôi quên tên đã kê đơn cho một loại thuốc viên màu trắng mà bà tình tảo trở lại.

Tôi vẫn lững thững bước trên những con hẻm ngập nắng nằm đằng sau phố phường. Trên một miếng đất có treo bảng "Đất Bán" có những đồng sắt rỉ đang để ngổn ngang. Nằm cạnh đó là một xường máy trong xóm. Không hiểu trong cái xường đó người ta đang đập cái gì mà lại vọng ra những âm thanh đều đặn và chất chúa. Một anh đàn ông đạp xe đạp từ phía đó đến và bắt đầu đứng tiểu tiện lên đám cỏ dại đầy bụi rác mọc trên khu đất trống.



Tượng kỷ niệm đặt nơi xưa kia người Kakure ẩn náu

Tôi vừa thấy ngôi nhà của mình hiện ra trước mắt. Không có gì khác ngày thường. Cũng như mọi hôm, cánh cửa sổ phòng tôi vẫn để mở nửa vơi. Đằng trước nhà, lũ con nít hàng xóm đang nô đùa. Mọi sự vẫn yên ổn và tôi không thấy dấu hiệu của một biến cố nào vừa xảy ra cả. Trước gian tiền sảnh chỉ có vị linh mục của giáo phận đang đứng [14]:

- Mẹ của cháu... vừa mới mất lúc nãy.

Ông thông tin cho tôi một cách trầm tĩnh và phát âm rõ rệt từng tiếng một. Đó là giọng nói của một người muốn đề nén tình cảm đang trào dâng trong lòng. Trong câu nói ấy, ngay cả một đứa học trò trung học ngốc nghếch như tôi vẫn có thể hiểu một cách rõ ràng là nó có ngầm chứa một sự mỉa mai.

Giữa gian phòng tám chiếu sâu trong nhà nơi đặt di thể của mẹ tôi, người chòm xóm và tín hữu của giáo hội đang ngồi vây quanh và đầu cúi thấp. Không có lấy một người quay lại nhìn và cũng không ai nói câu nào với tôi. Tôi hiểu ngay là tất cả những cái lưng cứng nhắc ấy đang chứa sự phê phán của họ vào tôi.

Mặt của mẹ tôi đã trắng bệch như sữa. Phần giữa đôi mi còn đọng lại dấu vết của sự thống khổ. Tôi thật là kẻ không biết hối cải chút vào vì ngay lúc ấy, cái chột hiện ra trong đầu tôi là dáng dấp và biểu cảm của người đàn bà nằm trong bức ảnh tối tăm nọ. Lúc này, lần đầu tiên tôi mới ý thức được những gì mình đã làm cho tới nay và bật khóc.

Tôi vừa tưới hết nước trong thùng gỗ và đặt bó cúc vào chỗ cắm bên phiến đá ngôi mộ xong thì lũ côn trùng hồi nãy vừa vo ve quanh tôi đã bay tới bên cạnh khóm hoa. Đất nơi tôi đem chôn thân xác của mẹ là loại đất màu đen đặc biệt của vùng bình nguyên Musashino [15]. Ngày nào đó, có lẽ rồi tôi cũng sẽ được chôn cất ở đây. Một lần nữa, giống như thời niên thiếu, hai mẹ con tôi sẽ có cơ hội hủ hỉ với nhau thôi.

Ông trợ tá của anh Jirô vừa đặt câu hỏi tại sao tôi thích tìm hiểu về người Kakure như vậy và hồi nãy tôi đã đưa ra một câu trả lời cho qua chuyện. Thực ra thì đạo này, người có hứng thú tìm hiểu về đám Kakure mỗi lúc mỗi đông thêm. Những nhà nghiên cứu về Tôn giáo học đối chiếu cho rằng câu chuyện về họ sẽ là tài liệu quý giá khi phải bàn tới hiện tượng những tôn giáo bí mật gọi là Hắc giáo (Hidden religions). Không chỉ có NHK là đài phát sóng đã đưa những phim truyền hình nói về họ mà trong số các nhà truyền giáo ngoại quốc quen biết với tôi, khi đến Nagasaki, không ít người đã đồn đảo tìm hiểu về họ. Còn như đối với tôi thì hứng thú của việc tìm hiểu người Kakure chỉ đến từ một lý do duy nhất. Đó là việc họ vốn là con cháu của những người bội đạo (haishinsha, korobimono) [16]. Nhưng hơn thế nữa, đám con cháu này cũng như cha ông họ, đã không thể bội đạo một cách hoàn toàn. Suốt đời, họ đã phải chọn một cách sống dối trá và biết đánh lừa, sống trong hối hận đồng thời tiếp tục mang mặc cảm phạm tội cũng như những tình cảm khuất nhục.

Kể từ lúc sử dụng bối cảnh thời đại Kirishitan làm khung cho một cuốn tiểu thuyết, tôi bắt đầu bị lôi cuốn bởi cuộc đời của đám con cháu những người bội đạo này. Họ phải nói dối với người khác, nhất định không bao giờ hé lộ điều mình thực tâm suy nghĩ, suốt đời luôn luôn sống bằng hai bộ mặt. Trong đám người Kakure sống như vậy, nhiều khi tôi cảm thấy có cả hình ảnh của mình. Cho đến nay, tôi cũng có mang những điều mình không thể thốt ra bằng lời cũng như một bí mật nào đó mà có lẽ tôi sẽ giữ rịt cho đến ngày chết.

Tối hôm ấy, tôi đã uống rượu với cha xứ, anh Jirô lẫn ông trợ tá. Hôm sau, vào giờ cơm trưa, bà nữ tu đóng vai hầu bàn đã mang tới cho chúng tôi một cái đĩa thật to sắp đầy những múi cầu gai (uni, urchin) và bào ngư sống. Rượu nấu ở địa phương (jisake) lại quá ngọt (amakuchi) cho một người chỉ biết uống loại rượu cay

(karakuchi) như tôi nên thật là tiếc. Tuy vậy cầu gai ở đây rất tươi làm cho món tôi từng ném được ở Nagasaki hóa ra là đồ đã bị để lâu. Cơn mưa vừa tạnh nay nhỏ giọt trở lại. Anh Jirô đã say mềm, bắt đầu cất tiếng hát:

*Nào, hãy đi thôi, ta hãy đi thôi.
Đến ngôi giáo đường trên cõi nước trời (Paraizo)
Ta hãy đi thôi!
Một ngôi giáo đường tiếng là rộng lớn.
Nhưng rộng hẹp mặc lòng, tại tâm ta thôi.*

Tôi có biết bài hát này. Bởi vì hai năm trước, khi lên đường đi Hirado, một tín hữu ở đó đã dạy cho tôi. Tuy tôi vì không nắm vững nhạc điệu cho nên không nhớ được nhưng hôm nay qua tiếng ca như chất chứa nỗi niềm của anh Jirô, gương mặt u ám của những người Kakure dường như đang trôi bồng bềnh trước mắt tôi. Đó là những khuôn mặt với gò má nhô ra và hốc mắt lõm sâu, đăm đăm nhìn về một điểm nào đó. Trong thời gian bế quan tỏa cảng, có lẽ đó là những bài mà họ đã cất lên với tiếng ca nho nhỏ, mỗi mòn chờ đợi con thuyền của những nhà truyền giáo mà nhất định sẽ không bao giờ có cơ hội cập bến nữa.

- Ông Takaishi trên núi Fudô vừa chết mất con bò. Một con bò cái tốt lắm đấy!

Cha xứ không còn một vẻ gì là con người mà tôi đã gặp trong buổi tiếp tân trên Tôkyô. Chỉ cần một be sake nhỏ là ông đã đỏ rục từ đầu đến cổ và nay ông đang ngồi trò chuyện với ông trợ tá Nakamura. Hôm nay tròn một ngày, hình như cả đức cha lẫn anh Jirô đều đã vứt bỏ cái nhìn xem tôi như một người xa lạ. Tự nhiên, tôi đâm ra có cảm tình tốt đẹp với cái ông cha xứ mà giống như một anh nông dân và hoàn toàn khác với các vị chức sắc nhà dòng tính tình kênh kiệu ở Tôkyô.

- Thừa cha, trên núi Fudô có người Kakure sống không ạ?

- Không đâu thầy! Ở đó tất cả đều là tin đồ thuộc giáo phận của tôi.

Cha xứ trả lời với một vẻ tự hào. Cả anh Jirô lẫn ông trợ tá đều gật đầu một cách trịnh trọng để tán thành câu nói. Đây là chuyện tôi mới nghĩ ra từ hồi sáng nhưng đúng là hai người này đều có mang tình cảm khinh miệt đối với cộng đồng Kakure. Họ giống như hai kẻ đứng trên cao nhìn xuống.

- Biết làm sao bây giờ hờ thầy. Mấy người đó không có điểm chung nào với chúng tôi. Họ hành động như thành viên của một hội kín.

Tuy nhiên, tôi thấy người Kakure ở các đảo như Goto hay Ikitsuki đã có thái độ bứt khếp kín so với những đồng bọn của họ đang sống trên hòn đảo này. Ở đây, ngay những tín đồ Cơ Đốc cũng cảnh giác về chủ nghĩa bí mật của người Kakure. Tuy vậy, tôi biết cả Jirô-san và Nakamura-san đều có mang phần nào dòng máu Kakure từ tổ tiên của họ nhưng lại lấy làm quái là bây giờ, họ không hề tỏ ra một thái độ châm chước nào đối với quá khứ của mình.

- Này, các ông, họ thờ ai thế nhỉ?

- Thờ ai à? Có thờ chứ! Nhưng họ hoàn toàn không còn là tín đồ Cơ Đốc chính tông nữa.

Như vừa bị dồn vào thế khó, cha xứ đành thở dài đánh sựot rồi nói tiếp:.

- Một hình thức mê tín dị đoan thôi!

Tôi lại được nghe thêm một câu chuyện thú vị. Hình như là trong khi tín đồ Cơ Đốc Giáo (Catholics?) mừng các lễ Giáng Sinh và Phục Sinh theo Tây Lịch thì người Kakure lại âm thầm tổ chức các lễ ấy theo Âm Lịch.

- À, có hôm khi tôi leo núi, tình cờ thấy người Kakure đang tụ tập. Về sau mới hay là hôm đó họ đã lên lút cử hành lễ Phục Sinh.

Sau khi anh Jirô và ông Nakamura rời đi, tôi đã trở về phòng. Có lẽ vì uống rượu, đầu tôi nóng bừng nên phải mở cửa sổ và thấy bên ngoài có tiếng sóng kêu to như ai đang đánh trống. Bóng tối vừa sâu thẳm vừa trải rộng. Tôi nghĩ là những âm thanh của biển cả đã làm cho bóng tối và sự tĩnh mịch ở đây càng sâu thêm. Cho đến nay tôi đã ngủ trọ ở nhiều nơi nhưng chưa bao giờ đứng trước một bóng đêm sâu không thấy đáy như ở đây.

Cảm giác trong lòng tôi bỗng dạt dào khi nghĩ đến những người Kakure từ bao nhiêu năm tháng từng nghe tiếng sóng này và nhìn bóng đêm đen như tôi hôm nay. Họ là con cháu của những kẻ sa ngã đã vứt bỏ tôn giáo của mình chỉ vì sự yếu đuối của xác thịt và nỗi sợ hãi khi đứng trước cái chết. Bị đám sai nha và tín đồ Phật giáo khinh miệt, họ phải dời nhà qua quần đảo Goto, Ikitsuki hay ra tận hòn đảo này để sống. Ấy thế mà họ không thể nào bỏ được giáo nghĩa tổ tiên đã dạy. Dù sao, nói cho công bằng, họ cũng không đủ can đảm

đứng ra hiện ngang bảo vệ niềm tin tôn giáo của cha ông như các vị tử đạo đời xưa. Người Kakure chỉ biết cắn răng nén lấy nỗi hổ thẹn đó vào lòng để kéo dài sự sống cho đến ngày nay.



Di tích nhà thờ thời Kirishitan với phong cách kiến trúc hỗn hợp Âu Á

Gò má nhô cao, cặp mắt lõm sâu với cái nhìn lúc nào cũng như qui về một chỗ, những đặc điểm thấy trên khuôn mặt họ là do nỗi hổ thẹn thâm niên đó tạo thành qua thời gian. Cả bốn, năm người cư dân bản địa đi chung chuyến phà với tôi hôm qua, cả anh Jirô lẫn ông Nakamura, trợ tá của anh, đều có chung một khuôn mặt. Và trên khuôn mặt đó, lần lúc tôi thấy phảng phất một vẻ trí trá lẫn nhút nhát chen vào.

Tổ chức của người Kakure ở vùng Goto và Ikitsuki so với nơi đây lại có đôi chỗ khác nhau. Người đóng vai cha xứ có chức danh là Hariyaku (Người canh phòng) và còn được gọi là Yajiyaku (Ông trùm họ). Tất cả nhóm Kakure đã nhận bài cầu nguyện (Oratio) từ Ông trùm đó rồi giữ gìn cẩn thận và đem ra truyền lại cho thế hệ sau vào những dịp tế lễ quan trọng. Người phụ trách tẩy lễ (phép báp-têm) cho những đứa trẻ sơ sinh là cái ông lo việc nước nôi, tắm táp (Mizukata, Người lo nước). Tùy theo vùng mà Yajikata có thể kiêm nhiệm luôn chức Hariyaku hay không. Ngoài ra, phần lớn những người mang chức phận này đã truyền nó lại cho con cháu của họ theo kiểu thế tập. Có khi chỉ cần năm hộ là có thể làm thành một tổ chức như vậy và thí dụ này tôi đã từng được thấy ở địa phương Ikitsuki.

Khi đứng trước mặt đám nha lại, dĩ nhiên là người Kakure thường đội lốt tín đồ Phật giáo. Họ cũng ghi danh trên danh bạ (gọi là Shuumonchô [17]) ở một ngôi chùa họ được chính quyền chỉ định phải qui thuộc (gọi là Dannadera). Có những thời kỳ - giống như tổ tiên - họ đã phải đưa chân dẫm lên thánh giá (fumie) trước mặt đám nha lại. Hôm bị bắt buộc làm hành động ấy, khi quay về xóm, họ đã cắn răng tự trừng phạt cái tội hèn nhát và đáng khinh của mình bằng cách dùng một món đồ bằng thừng tên là O-tenpensha mà họ tự bện lấy để quất lên người. Tên O-tenpensha vốn đến từ Teshiperina trong tiếng Bồ Đào Nha có nghĩa là cái roi (muchí). Hồi ở Tôkyô, khi đến nhà của một học giả chuyên môn nghiên cứu về người Kirishitan, tôi đã có dịp nhìn thấy cái roi O-tenpensha ấy. Đó là một bó giây thừng gồm 46 sợi. Trên thực tế, khi thử đánh vào cổ tay mình, tôi thấy nó cũng đau ra phết. Nhưng người Kakure còn dùng nó để đánh cả lên người cơ. Tuy vậy sự tự trừng phạt đó không đủ để làm họ hết bị giày vò bởi mặc cảm phạm tội. Sự nhục nhã và bất an của một kẻ phản bội không dễ gì biến mất.

Những đôi mắt của bạn bè đã tử đạo cũng như của các nhà truyền giáo từng buông lời trách mắng nghiêm khắc vẫn còn nhìn họ đăm đăm từ một chốn xa xôi nào đó. Dù muốn đuổi cho được những ánh mắt chê cười ấy, họ cũng không thể làm. Vì vậy, nội dung bài cầu kinh (Oratio) của họ có những đoạn không giống những gì thấy trong bản dịch lời cầu kinh của Cơ Đốc Giáo hiện đang lưu hành bởi vì nó chỉ là một chuỗi câu chữ đặt bên nhau một cách không rõ ràng nhưng phảng phất một nỗi buồn, và sau rốt là những lời cầu xin được tha thứ. Nó đã ra đời từ những lời cầu nguyện thì thâm chất đầy tủi hổ của nhóm người Kakure vì mù chữ đã phải lúng búng phát âm từng tiếng một.

"Thánh mẫu Maria, Mẹ của Chúa, xin hãy tha thứ cho chúng con là kẻ có tội... hôm nay cũng như trong giờ lâm tử..."

"Chúng con đang cầu xin Mẹ, đang khóc lóc thở than trong thung lũng đầy nước mắt này...Mẹ hãy đoái hoài tới chúng con và nhìn chúng con bằng đôi mắt đầy thương xót của ngài".

Trong bóng đêm, khi lắng nghe tiếng sóng vỗ ì ầm, trong lòng tôi bỗng hiện ra hình ảnh những người Kakure mà có thể là mỗi ngày sau khi xong công việc đồng áng hay ra biển về nhà đã thì thầm khấn khứa những lời được chép trong phiên bản Oratio ấy. Họ chỉ còn biết mong chờ vị thánh mẫu sẽ chấp nhận những lời cầu xin và tha thứ cho những yếu đuối ươn hèn của thân xác họ. Nhưng vì sao thế? Chỉ vì đối với người Kakure, Đức Chúa Trời (Deus) là một hiện hữu giống như vị cha nghiêm khắc nên họ phải hướng những lời cầu xin ấy về phía Đức Mẹ (Santa Maria) vì người là một bà mẹ. Và nó đã làm cho tôi nghĩ là nếu tín ngưỡng Maria mạnh mẽ đến như vậy và nếu họ lại đặc biệt sùng bái Maria-Quan Âm, chắc hai việc ấy chỉ có thể đến từ lý do trên.

Tôi trở vào giường nằm nhưng không thấy buồn ngủ. Cuộn mình trong lớp chăn mỏng, tôi định cất tiếng hát nho nhỏ bài ca hồi nãy anh Jirô vừa mới dạy cho nhưng vô ích vì không còn nhớ được chữ nào cả.

Tôi nằm chiêm bao. Trong giấc mơ, hình như đó là lúc tôi vừa được giải phẫu xong và người ta mới chuyển tôi về phòng, Họ đặt tôi lên giường nằm như một cái cây chết. Họ thông lỗ mũi tôi với cái bình chứa dưỡng khí bằng một ống cao su. Cả cánh tay mặt lẫn chân mặt của tôi đều có kim đâm vào. Lý do là bên giường của tôi có treo một bình dung dịch huyết và người ta đang truyền máu cho tôi. Dù tôi chỉ ý thức có phần nửa thôi nhưng vẫn biết cái bóng mờ mờ xam xám đang nắm lấy tay tôi là ai. Đó là mẹ tôi. Ngoài mẹ tôi ra, không thể có ai khác. Lúc đó, trong phòng bệnh không thấy bóng một bác sĩ, ngay cả vợ tôi cũng không có mặt. Mẹ không chỉ hiện ra cho tôi trong những giấc chiêm bao mà thôi. Khi leo lên cầu vượt để băng qua đường một buổi chiều tối, bất chợt tôi nhìn thấy hình ảnh mẹ hiện ra trên khung trời mây giăng. Đang trò chuyện với mấy người con gái trong quán rượu, lúc câu chuyện nửa chừng đứt quãng và cảm thấy có một sự trống vắng vô nghĩa băng ngang qua lòng mình, đột nhiên tôi ý thức sự hiện diện của mẹ ở bên cạnh. Ngay cả giữa đêm khuya, khi đang gò lưng trên bàn làm việc, tôi bỗng có linh cảm là bà đang đứng đằng sau. Hình như bà đang theo dõi chuyển động của ngòi bút tôi viết từ phía sau lưng. Thực ra mỗi khi ngồi vào bàn viết, dĩ nhiên tôi tuyệt đối không để cho con trai mình cũng như bà vợ bước vào thư trai. Thế mà, kỳ lạ thay, nếu như mẹ tôi có đó, tôi sẽ không xem bà là kẻ quấy rầy và cũng không hề cảm thấy bức bối.

Vào những lúc ấy, hình ảnh của mẹ tôi không phải là một người đã liên tục kéo cây mã vĩ để cố sức đi tìm một âm tổ mà mình mong muốn và cũng không phải là người nữ tín đồ đã bắt chuyến xe điện Hankyuu đầu tiên trong ngày rồi ngồi chân chỉ lằn chuỗi mân cô trong một góc toa. Tôi chỉ thấy hình bóng một người đàn bà chấp hai tay trước mặt, đưa cặp mắt từ phía sau lưng và gửi đến tôi một cái nhìn thoáng chút buồn bã.

Giống như hạt trần châu dần dần kết tụ trong một cái vỏ trai, nhất định là hình ảnh những bà mẹ không biết lúc tự nào đã thành hình trong tâm khảm tôi theo cùng một qui trình. Lý do là người mẹ đã nhìn tôi với đôi mắt mệt mỏi lại đọng chút buồn thương ấy chưa bao giờ là một hiện thực đến từ ký ức của tôi. Nói về xuất xứ của hình ảnh đó thì giờ đây tôi đã hiểu. Thì ra nó vốn trùng lặp với khuôn mặt thấy trên pho tượng "Đức Mẹ Thương Khó" (Mater Dolorosa) ngày xưa mẹ tôi thường mang theo người.

Sau khi mẹ tôi qua đời, những vật bà sở hữu cũng như các tấm áo kimono và dải lưng obi dần dần đã bị người ta lấy đi hết. Với danh nghĩa là "chia sẻ kỷ vật của người quá cố" (katamiwake), trước mắt đứa học sinh trung học là tôi, các bà cô của tôi đã đến cho tay vào trong các ngăn kéo và lật lên lật xuống chẳng khác nào lúc họ đang đi lựa hàng ngoài cửa hiệu bách hóa. Dù vậy, họ đã không để mắt đến những món đồ mà mẹ tôi trân quý nhất như cây đàn vĩ cầm cũ kỹ, cuốn kinh cầu nguyện bà đã dùng đến long gáy cũng như chuỗi mân cô mà sợi giây bằng kim loại để nối các hạt hầu như sắp đứt. Thế rồi trong đống mớ đồ các cô tôi định đem đi vứt lại có cả pho tượng "Đức Mẹ Thương Khó" (Mater Dolorosa) là cái vật giá rẻ mạt mà bất cứ giáo hội nào cũng đem bày bán.

Phần tôi thì sau khi mẹ mất, bức tượng đó là di vật quan trọng nhất trong số những di vật mà tôi đã thu vào trong hộp và đem theo người mỗi khi đổi nhà trọ hay thay chỗ ở. Cuối cùng chiếc vĩ cầm đã đứt giây và mang đầy vết nứt. Cuốn kinh cầu nguyện cũng rách cả bìa. Còn như bức tượng Đức Mẹ thì đã bị cháy trong một cuộc oanh kích vào mùa đông năm Shôwa thứ 20 (1945).

Buổi sáng hôm sau trận oanh kích, bầu trời thật trong xanh nhưng suốt một dải từ Yotsuya cho đến Shinjuku, chỉ thấy một vùng rộng lớn phủ màu nâu sậm, dấu tích của trận dội bom. Khắp nơi đều thấy tro than còn nghi ngút khói. Tôi co chân ngồi xuống nơi có dấu tích của ngôi nhà trọ ở Yotsuya, lấy một que gỗ cào đống tro tàn để tìm kiếm nhưng chỉ bới ra được dăm mảnh vỡ của bộ ấm chén uống trà và cái xác quỳên từ điển còn sót vài trang. Khi cố cời thêm thì từ đống tro than đang cháy dở, tôi bỗng cảm thấy mình đang đụng vào một vật cứng cứng. Thì ra đó là pho tượng Đức Mẹ nhưng chỉ có phần nửa thân trên. Chết thạch cao đã hoàn toàn đổi sắc, khuôn mặt trước đây có những nét bình thường nay đã trở nên xấu xí. Từ dạo đó trở đi, theo thời gian, đường nét mặt mũi của tượng cũng đã phai mờ. Sau khi kết hôn, có lần vợ tôi tuột tay đánh rơi nó và đã phải dùng keo gắn lại. Chẳng biết có phải vì lý do đó hay không mà pho tượng không còn lộ ra biểu cảm gì nữa. Khi nhập viện, tôi vẫn đặt pho tượng ấy trong phòng bệnh. Sau lần giải phẫu thất bại và phải nằm lại bệnh viện đến năm thứ hai, cả tinh thần lẫn vật chất của tôi đã đi đến chỗ cùng quẫn. Các bác sĩ xem chừng hết hy vọng cứu chữa, còn về phía tôi thì tài chánh đã lâm vào thế kẹt.

Đêm hôm, dưới ánh đèn mờ, tôi lặng ngắm pho tượng Đức Mẹ đặt ở đầu giường. Không hiểu vì sao mà tôi thấy khuôn mặt ấy có vẻ buồn bã và đang chăm chú nhìn mình. Về mặt ấy cho đến nay thì dù đã được xem nhiều tác phẩm Đức Mẹ của hội họa và điêu khắc Tây phương, tôi vẫn thấy nó hoàn toàn khác với chúng. Bị hư hại gây ra bởi trận không kích và ảnh hưởng của dòng thời gian, khuôn mặt đã khuyết mất cả mũi kia chỉ còn lưu lại một cái gì và đó là một thoáng buồn bã. Trong thời gian lưu học ở Pháp, tôi đã bao lần được ngắm những bức tượng hay bức họa với đề tài Đức Mẹ Thương Khó (Mater Dolorosa). Dĩ nhiên bức tượng kỷ vật của mẹ tôi vì trận không kích và sự xoi mòn của tháng năm đã mất đi biểu cảm của bức tranh mẫu. Còn sót lại nơi nó chỉ là một thoáng u buồn mà thôi. Có lẽ là không biết tự lúc nào, tôi đã đồng hóa tình cảm từng bộc lộ trên khuôn mặt của mẹ mình với biểu cảm của bức tượng đó để rồi chúng trở thành một. Nhiều khi tôi thấy khuôn mặt của bức tượng mang hình ảnh mẹ tôi lúc bà chết. Lúc được đặt nằm trên tấm nệm giường, vẻ đau khổ hãy còn đọng lại ở khoảng cách giữa đôi mi. Tôi hãy còn nhớ một cách rõ ràng khuôn mặt của bà sau khi chết là thế đấy.

Tôi ít khi kể cho vợ tôi nghe về việc mẹ đã hiện ra cho tôi. Có một lần, khi tôi thốt ra chuyện đó, vợ tôi nói một hai câu gì đó nhưng chắc chắn là những câu nói ấy đã xuất phát từ một tình cảm không mấy thoải mái.

Sương mù đã vừng lên khắp trời. Nhân nghe tiếng quạ kêu trong vùng sương mù đó, tôi biết rằng mình đã tiến gần đến thôn xóm. Đối với một người có một lượng khí thở trong phổi giới hạn như tôi, để đến được đây, thật tôi đã chịu lắm gian nan. Không những phải vượt con đường núi với những cái dốc khá đứng mà thêm vào đó, đôi ủng cao su anh Jirô cho mượn lại hay làm trượt chân khi gặp phải một đoạn đường đất sét trơn trượt như thế này, nên tôi đành im hơi lặng tiếng.

- Như thế này là còn khá đó, Sensei! - Ông trợ tá Nakamura nói như phân bua với tôi - Xưa kia vẫn có sương mù dày không thấy đường như hôm nay nhưng lúc đó dọc chỉ có một con đường mòn trên núi ở phía Nam. Nghe nói là mỗi lần muốn đi đến thôn (buraku) [18] này, phải mất cả nửa ngày trời. Mấy người Kakure khi chọn một nơi hiểm trở để sinh sống cũng đã tỏ ra khôn ngoan lắm đấy. Như vậy mới tránh được tai mắt của sai nha.

Hai bên đường là những đám ruộng hình bậc thang. Bóng đen đen của những ngọn núi đang lờ mờ ẩn hiện sau lớp sương mù dày. Tiếng quạ giờ đây lại to hơn hồi nãy. Tôi bỗng nhớ ra là hôm qua ở trên đỉnh Nham Đảo mình cũng đã thấy có nhiều đàn quạ lượn vòng. Trên cánh đồng, hai người có vẻ là mẹ con đang làm việc. Khi ông Nakamura cất tiếng gọi, bà mẹ liền kéo cái khăn đang che mặt xuống và cúi đầu chào một cách kính cẩn.

- Nhà ông Kawahara Kikuchi có phải nằm ở quãng dưới này không hở? Có Sensei trên Tôkyô xuống đây muốn gặp ông để hỏi thăm đấy!

Đứa con của bà đưa mắt nhìn tôi như một vật lạ nhưng bị mẹ mắng cho nên đã chạy vào trong cánh đồng.

Ông trợ tá Nakamura rất biết xã giao nên đã mua sẵn một ít rượu sake ở ngoài phố đem đến làm quà. Suốt chặng đường, anh Jirô đã đảm trách việc xách nó nhưng khi bước vào thôn thì tôi đã nhận lại và ôm theo cái bình đựng một thăng (= đấu) rượu ấy. Đầu thôn đã nghe vọng ra tiếng ra-đi-ô đang phát mấy bài tân nhạc cải cách. Trong nhà kho của vài ngôi nhà, tôi còn thấy họ để cả xe gắn máy.

- Đám trẻ trong thôn này đã bỏ xứ đi hết.
- Ra ngoài phố à?
- Không, nhiều đứa đến tận mấy hải cảng như Sasebo hay Hirado để kiếm việc. Trên hòn đảo này, đã mang tiếng là con cái gia đình Kakure, không ai thêm mượn đầu.

Lũ quạ không biết còn đuổi theo nhau đến tận đâu. Lần này, chúng lại tìm đến đậu trên một nóc tranh và cất tiếng kêu inh ỏi. Làm như thể chúng muốn báo cho người sống trong nhà phải coi chừng vì có những kẻ lạ mặt như chúng tôi đang tìm đến.

Ngôi nhà của ông Kawahara coi bộ lớn hơn mấy nhà khác một tí, mái lại lợp ngói, đằng sau lưng lại có một cây long não cổ thụ. Tôi biết ngay ông Kawahara phải là một người chức phận cỡ Yajiyaku (ông Trùm họ), tóm lại là ông đóng vai một cha xứ trong cộng đồng này.



Hậu duệ người Kakure (nguồn AFP)

Ông Nakamura để tôi đứng đợi bên ngoài một lúc và vào trong thương lượng với gia đình chủ nhà. Đứa trẻ hồi nấy thấy ngoài đồng đang cho tay đứt vào trong giữ cái quần cho khỏi tụt, từ xa đưa mắt nhìn chúng tôi. Tôi để ý thấy đôi chân trần của nó hãy còn lem luốc bùn đất. Một lần nữa, đàn quạ lại tiếp tục kêu.

- Chán quá nhỉ. Làm như họ không thích tiếp mình!
- Ô, lo gì! Thầy cứ để mặc ông trợ tá. Bác Nakamura ấy nói là xong ngay mà.
Được anh lên tiếng Jirô trấn an, tôi thấy vững tâm hơn.

Cuối cùng, cuộc thương lượng đã ngã ngũ và bọn chúng tôi được đưa vào một căn buồng với nền đất nện

(doma). Từ phía sâu trong bóng tối, có bóng một người đàn bà đang nhìn về phía chúng tôi. Tôi biểu họ cái bình đựng một thùng rượu sake đem theo để làm lễ ra mắt nhưng phía bên kia chẳng thèm đáp lại câu nào.

Căn phòng hết sức tối. Tuy hôm nay trời xấu nhưng tôi nghĩ là ngay một hôm đẹp trời, nơi đây chắc cũng chẳng sáng sủa hơn bao nhiêu. Thế rồi trong phòng lại có một mùi hôi hám thật đặc biệt đang bốc lên mũi. Người tên Kawahara Kikuichi là một ông già tuổi độ sáu mươi. Ông ta không chịu ngó thẳng vào mặt tôi. Dù đang lên tiếng trả lời tôi, ông đôi mắt đầy vẻ sợ hãi của ông cứ dán chặt vào một nơi nào đó trong không gian. Ngay câu trả lời của ông cũng ngắn cùn. Tôi có cảm tưởng ông đang muốn chúng tôi ra về cho chóng. Giữa khi câu chuyện của hai bên bị ngắt ngang bằng những khoảnh khắc im lặng, tôi đã đảo mắt quan sát những nơi trong gian buồng đất nện từ cái cối đá, manh chiếu cho đến mấy bó rơm. Ý tôi là muốn dò xem cây trượng tỳ thân một chức sắc Yajiyaku và bài vị thần Nandogami của người Kakure đang được cất giữ ở đâu?

Cây trượng Yajiyaku thì chỉ có người lãnh chức Yajiyaku (Già làng hay Trùm họ) mới được quyền mang theo. Lúc đi chủ trì lễ rửa tội (báp-têm) thì cây trượng ấy phải là cây trượng làm bằng gỗ sồi (kashi), còn khi đến nhà ai để đuổi tà khi phải dùng cây trượng bằng gỗ cây dâu bạc (gumi, silverberry) nhưng nhất quyết là họ không dùng trượng làm bằng tre trúc. Rõ ràng về việc sử dụng trượng, người đời sau vẫn bắt chước thói quen các cha xứ có từ thời đại Kirishitan [19]. Tuy tôi đã hết sức chú ý nhưng dĩ nhiên là tôi chẳng thấy chỗ họ cất dấu cây trượng và bài vị thần Nandogami ở đâu. Mãi sau tôi mới được họ cho nghe bài khấn nguyện Orasho (Oratio) nhưng nội dung bài của họ và những bài khác mà tôi đã được nghe những người Kakure khác tụng niệm cũng na ná như nhau. Nói chung chúng đều là những lời lẽ van xin tha thứ và lúc nào cũng đượm một nỗi buồn.

"Chúng con van xin ... trong khi đang than khóc và rên siết trong thung lũng đầy nước mắt này".

Khi bắt đầu lời nguyện, mắt của ông Kikuichi đã đắm đắm nhìn vào khoảng hư không.

"Xin hãy tha thứ cho chúng con và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài".

Tôi chợt thấy nó giống như khúc ca truyền miệng (mawashibushi) mà anh Jirô đã hát trong buổi tối trước đây, nghĩa là một chuỗi câu chữ ghép lại một cách vụng về nhưng đang muốn bày tỏ nỗi lòng mình cho một Đấng cao xa nào đó.

"Than khóc và rên siết...trong thung lũng đầy nước mắt này..."

Tôi lẩm bẩm lặp lại lời của ông Kikuichi như muốn ghi lại tất cả những lời ấy vào ký ức.

"Xin tha thứ cho chúng con..."

"Xin tha thứ cho chúng con..."

"Và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài"

"Và hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài".

Trong chốn sâu thẳm của đầu óc tôi hiện ra hình ảnh của những người Kakure bị cưỡng bách kiểm tra bằng cách bắt dẫm lên thánh giá. Sau lúc phải làm chuyện ấy, trong đêm trở về thôn xóm, mỗi người đều đã cất tiếng đọc lời cầu xin đó trong những ngôi nhà tối tăm như thế này.

"Xin tha thứ cho chúng con...Xin hãy nhìn chúng con với cái nhìn đầy thương xót của ngài!"

Đàn qua đang kêu. Chúng tôi giữ nguyên sự im lặng trong một lúc lâu, mắt nhìn ra ngoài hiên, nơi một lớp sương mù đang bồng bềnh kéo tới. Có lẽ vì trời vừa nổi gió nên lớp sương mù trắng như sữa ấy đã đến đây với một tốc độ khá nhanh.

- Ông chủ nhà... có thể nào cho chúng tôi xem Nandogami (Thần Chủ, Thần Nhà Kho) không ạ?

Tôi ngượng ngập thốt ra mấy câu nhờ vả đó nhưng ông Kikuichi vẫn đưa mắt nhìn vào không gian và chẳng lên tiếng trả lời. Nondagami (Nạp Hộ Thần) hoàn toàn không phải là một thuật ngữ Kirishitan nhưng nó có ý nghĩa là vị thần được thờ trong nhà kho (nạp hộ). Bởi lẽ giữa người Kakure với nhau, họ muốn lễ bái vị thần của mình trong gian nhà kho tức một nơi không ai thể chõ mắt vào. Còn như đối với bên ngoài thì qua cách gọi đặc biệt ấy, họ có thể đánh lừa được đám sai nha. Thế rồi, tuy ngày nay tín ngưỡng Nandogami đã được mọi người công khai thừa nhận, người Kakure vẫn không muốn cho người khác đạo (zencho, gentio) [20] xem thực thể của thần. Không ít tín hữu Kakure tin rằng nếu họ đem nó cho người ngoại đạo xem thì hình ảnh vị thần Nandogami sẽ bị ô uế.

Ông Nakamura lại mạnh miệng nói giúp tôi:

- Sensei từ trên Tôkyô xuống đây chỉ vì mục đích này thôi đó! Ông cho thầy ấy xem chút đi.

Ông Kikuichi lúc ấy mới chịu nhấc mông lên. Sau đó, vừa lúc chúng tôi đi xuyên qua gian phòng nền đất nện để vào bên trong, tôi lại thấy ánh mắt của người đàn bà khi nãy. Từ trong bóng tối, bà vẫn còn nhìn chăm chập vào chúng tôi với một cái nhìn khó thể nói là bình thường.

- Thầy để ý cho.

Khi sắp đi ngang qua cánh cửa để vào bên trong nhà kho thì từ đằng sau lưng có tiếng anh Jirô dặn dò tôi phải coi chừng vì nếu tôi không khom mình sẽ bị va đầu. So với gian phòng đất nện thì nhà kho là một khoảng không gian nhờ nhờ tối và chật hẹp hơn, ngai ngái cái mùi sống sít của rơm rạ và khoai tây. Phần chính giữa phía bên kia có đặt một cái ban thờ Phật nhỏ với dăm ba ngọn nến. Chắc đây chỉ là những món đồ họ dùng để ngụy trang. Ánh mắt của ông Kikuichi hướng về một điểm cao bên tay trái. Phương hướng của ánh mắt ấy là hai tấm rèm màu vàng đang buông lửng, nơi mà khi mới bước vào phòng tôi đã để ý ngay. Trên cái kệ có đặt bánh gạo nếp (mochi), một bình con màu trắng để đựng rượu lễ (miki). Khi ông Kikuichi đưa bàn tay đầy nét nhăn nheo chậm rãi vén tấm rèm ấy lên thì bộ phận của một bức liễn (kakejiku) màu nâu đất bắt đầu hé lộ. Đằng sau lưng tôi có tiếng anh Jirô thở dài và thốt lên: "*Tranh thôi à?*"

Đó là một bức tranh Đức Mẹ đang bế Chúa Hải Đồng. Không, đúng ra đó là tranh vẽ một bà nông dân đang cho con mình bú. Bộ đồ đứa trẻ đang mặc được tô một màu lam nhạt trong khi áo xống của bà mẹ lại là màu nâu đất. Cứ nhìn sự vụng về của cả nét vẽ lẫn màu sắc được tô lên đó thì hiểu ngay rằng đây là một bức tranh do một người Kakure nào đó vẽ ra từ lâu lắm rồi. Bộ ngực của bà nông dân để trần, bầu vú đang lộ ra. Giải giây áo lại buộc ở đằng trước, không khác gì y phục của phụ nữ khi ra làm việc ngoài đồng (noragi). Khuôn mặt của nhân vật là khuôn mặt của một phụ nữ có thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên hòn đảo này. Đó là khuôn mặt của một bà mẹ vừa để cho đứa con sơ sinh bú sữa, vừa tiếp tục công việc đồng áng hay đang mạng lại một tấm lưới đánh cá. Bất chợt tôi nhớ lại người bà mẹ nhà quê hồi nãy đã gỡ cái khăn che mặt để cúi đầu chào ông trợ tá Nakamura. Trong khi Jirô-san nở một nụ cười ngán ngẩm thì ông Nakamura vẫn giữ một bộ mặt thản nhiên nhưng tôi nghĩ đó chỉ là bề ngoài chứ biết đâu trong bụng, ông chẳng cười thầm!

Dù vậy, không hiểu tại sao mắt tôi vẫn không thể rời khỏi tấm tranh bà mẹ được vẽ bởi một bàn tay vụng về như vậy. Những người Kakure này đã chấp hai bàn tay xương xẩu của họ trước bức tranh này để cầu xin sự tha thứ. Tự nhiên trong lòng tôi dậy lên một niềm cảm khái và tôi tự hỏi không biết tâm sự của họ có giống tôi không? Cái giáo lý dựa trên sự uy nghiêm của người cha mà các giáo sĩ đã vượt vạn dặm ba đào đến đây rao giảng thì từ ngày các vị ấy bị chính quyền trục xuất và hội thánh suy sụp, trong bao nhiêu tháng năm dài, nó đã bị người Kakure Nhật Bản loại bỏ một số bộ phận mà họ thấy mình không đương nổi. Dần dần cái giáo nghĩa tập trung vào việc sùng bái Đức Chúa Cha đã được thay thế bằng giáo nghĩa ngưỡng mộ Đức Mẹ, một sự ngưỡng mộ đã có mặt trong bất cứ nền tảng tôn giáo nào ở Nhật Bản. Những lúc suy nghĩ như vậy, tôi lại liên tưởng đến bà mẹ của tôi và thấy như có cái bóng xám xám của bà đang hiện ra bên cạnh. Không phải hình ảnh một bà mẹ tay đạo đàn vĩ cầm, cũng không phải là hình ảnh một bà mẹ chăm chú lần chuỗi hạt mân côi, nhưng đó là một bà mẹ đang chấp hai tay trước ngực và nhìn tôi với đôi mắt đượm chút sầu thương.

Khi vừa rời thôn thì sương mù đã tách ra nên chúng tôi đã có thể thấy mặt biển đen ở đằng xa. Hình như biển hôm nay cũng còn động và đang dậy sóng. Tôi không nhìn thấy Nham Đảo, nơi chúng tôi vừa đến viếng hôm

qua. Bên dưới thung lũng, hình như sương mù lại dày thêm, có tiếng quạ kêu từ những lùm cây lờ mờ ẩn hiện làm tôi không biết nó đã vọng đến từ phía nào.

"Trong thung lũng đầy nước mắt...Xin hãy đoái hoài đến chúng con... Hãy nhìn chúng con với đôi mắt đầy thương xót của ngài..."

Trong lòng, tôi đang thì thầm đọc lại những lời cầu kinh Orasho (Oratio) của người Kakure mà tôi vừa học được từ ông Kikuichi.

- Bọn họ không hết cỡ. Sao lại đưa cho mình xem ba món đồ đó? Chắc Sensei-sama phải thất vọng lắm nhỉ?

Lúc ra khỏi xóm, dù chẳng ai trách cứ, anh Jirô vẫn nghĩ mình là người phải nhận trách nhiệm nên đã năm lần bảy lượt xin lỗi tôi. Còn như ông trợ tá Nakamura thì đang đi đằng trước chúng tôi. Ông chống một cây gậy không biết vừa nhặt được đâu giữa đường, cứ bước mà không nói không rằng. Nhìn cái sống lưng cứng nhắc của ông, thật tình tôi không rõ là ông đang nghĩ ngợi điều gì.

Thư mục tham khảo:

Endo Shusaku, Haha naru mono (Những bà mẹ), trong Toàn tập Endo Shusaku (Endo Shusaku Zenshuu), nhà xuất bản Shinchô, Tôkyô, 1999, quyển 8/15, từ trang 33 đến 56. Nguyên tác Nhật ngữ.

Endo Shusaku, Haha naru mono, Van C. Gessel dịch sang tiếng Anh thành Mothers, in trong Tuyển tập truyện dịch Stained Glass Elegies, do A New Direction Paperbook, USA, xuất bản năm 1990. Từ trang 108 đến 135. Bản ngoại văn tham chiếu.

[13] - Tên một vùng phụ cận của Tôkyô nhưng nay đã nhập hẳn vào thành phố.

[14] - Theo các truyện khác (như Bóng đổ lên đời tức Omokage) thì đó là vị linh mục người Đức Pedro Herzog, một người bạn rất thân thiết với bà mẹ của Shusaku.

[15] - Musashino no kuni. Địa danh cổ của vùng đất bằng chung quanh Tôkyô

[16] - Có thể xem họ là những người (mono) sa ngã (korobu), đã phải phản bội lý tưởng để sống còn.

[17] - Là những phép tắc thời Edo đặt ra để Mạc phủ kiểm soát hành vi dân chúng.

[18] - Có lẽ từ buraku ở đây không dùng với nghĩa đơn vị hành chính như thôn ấp nhưng với cái nghĩa xã hội là một nhóm người sống cô lập và bị kỳ thị.

[19] - Ý nói thời các giáo sĩ Tây phương mới đến truyền giáo.

[20] - Dị giáo đồ. Âm chỉ người không cùng tôn giáo với họ. Tiếng Bồ Đào Nha là Gentio.